

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 15/2023/CV-Cty ngày 14/7/2023 của Công ty TNHH Bệnh viện nhi Đức Tâm về việc đề nghị phê duyệt cấp giấy phép môi trường của dự án "Bệnh viện nhi Đức Tâm" tại phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 205/TTr-STNMT ngày 21/ 7/ 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Bệnh viện nhi Đức Tâm, địa chỉ tại tổ 1, khối 7, đường 10/3, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của "Bệnh viện nhi Đức Tâm" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện nhi Đức Tâm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ 1, khối 7, đường 10/3, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Số 6001362081 do Phòng Đăng ký Kinh

doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/10/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 27/12/2022.

1.4. Mã số thuế: 6001362081

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 9.999,8 m²

- Công suất: 50 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Bệnh viện nhi Đức Tâm

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Bệnh viện nhi Đức Tâm có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Bệnh viện nhi Đức Tâm theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- TTCN và Cổng TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- UBND Tp Buôn Ma Thuột;
- Công ty TNHH Bệnh viện Nhi Đức Tâm;
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn tại Bệnh viện;
- Nguồn số 03: Nước thải y tế từ bồn rửa từ các phòng khám chức năng, khu giặt là.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường 10/3, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí đầu nổi tại Giếng thăm nước mưa GT P46, lý trình Km2+70 nằm trên đường 10/3, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°30', múi chiều 3'): X = 452963; Y = 140634.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 25 m³/ngày đêm, tương đương 1,04 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A, K = 1,2, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	60		
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36		
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		

8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2	08/2022/ NĐ-CP	08/2022/ NĐ-CP
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng coliforms	MPN/ 100ml	3000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
12	Shigelle	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		

Ghi chú: Khuyến khích Chủ cơ sở thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh: Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu tại các nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn (gồm 09 bể) → Mạng lưới thu gom nước thải → Bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung; nước thải từ các thiết bị khác (như bồn rửa, bể tiểu) → Mạng lưới thu gom nước thải → Bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn của Bệnh viện → Mạng lưới thu gom nước thải → Bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải y tế từ bồn rửa các phòng khám chức năng, khu giặt là → Mạng lưới thu gom nước thải → Bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện (nước thải sinh hoạt từ bồn cầu tại các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước chung của thành phố (được UBND thành phố Buôn Ma Thuột thống nhất thỏa thuận vị trí đầu nối tại Công văn số 727/UBND-QLĐT ngày 09/3/2018).

- Thông số kỹ thuật:

(BTCT: bê tông cốt thép)

STT	Hạng mục	Kích thước (m)			Số lượng (bể)	Vật liệu
		Dài	Rộng	Cao		
1	Bể tự hoại	5,4	3,4	1,9	9	BTCT
2	Bể thu gom	1,7	1,7	2,9	1	BTCT
3	Bể điều hòa	3,55	1,7	2,9	1	BTCT
4	Bể thiếu khí	3,55	1,7	2,9	1	BTCT
5	Bể hiếu khí	3,55	1,7	2,9	1	BTCT
6	Bể lắng	1,7	1,7	2,9	1	BTCT
7	Bể khử trùng	1,7	1,7	2,9	1	BTCT
8	Bể chứa bùn	1,7	1,7	2,9	1	BTCT

- Công suất thiết kế: 25 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH: 1,5 kg/tháng; Chlorine: 3,75 kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Các thiết bị, máy móc làm việc ở áp suất cao phải có hồ sơ kỹ thuật rõ ràng và thực hiện nghiêm ngặt chế độ kiểm tra định kỳ.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải. Tiến hành thay thế các giá thể vi sinh khi hiệu suất xử lý có dấu hiệu giảm sút.

- Định kỳ quan trắc nước thải để theo dõi, đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- Khu vực chứa hóa chất và các vật liệu khác sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải được bố trí thông thoáng để hạn chế các sự cố xảy ra.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, cập nhật đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành, các vấn đề sự cố phát sinh trong quá trình vận hành để ứng phó kịp thời với các sự cố có thể phát sinh.

- Phân công nhân viên có chuyên môn vận hành, kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện;

- Lập Sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải để theo dõi, cập nhật đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành, các vấn đề sự cố phát sinh trong quá trình vận hành để ứng phó kịp thời với các sự cố có thể phát sinh.

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường tại cơ sở theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (Công ty TNHH Bệnh viện nhi Đức Tâm đã được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 18/GP-UBND ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước chung của thành phố Buôn Ma Thuột.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	3
2	Chất thải có chứa tác nhân lây nhiễm:		13 01 01	4.015
2.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	Rắn	13 01 01	1.095
2.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	Rắn		2.190
2.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	Rắn		730
3	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	Lỏng	13 01 02	3
4	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có thành phần thủy ngân	Rắn	13 03 02	3
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	1
6	Pin thải, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	2
7	Bao bì đựng hóa chất bằng nhựa	Rắn	18 01 03	1
8	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	1
Tổng cộng:				4.029

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn không có khả năng tái chế	95
2	Chất thải rắn có khả năng tái chế	18

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại các khoa, phòng: Bố trí các thùng nhựa dung tích 25 lít có nắp đậy, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo; chất thải lây nhiễm sắc nhọn được chứa trong hộp giấy kháng khuẩn màu vàng loại 5 lít.

- Tại khu xử lý: Bố trí các thùng nhựa dung tích 240 lít có nắp đậy, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Tủ lưu chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm: Kích thước 2m x 2m x 0,6m; được làm bằng tôn, đáy tủ cách nền 15 cm, có dán biển cảnh báo nguy hại.

- Nhà lưu chứa và xử lý chất thải y tế lây nhiễm: Diện tích 19,37 m², xây dựng tường gạch bao quanh, mái lợp tôn, nền lát gạch.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại các khoa, phòng: Bố trí các thùng nhựa dung tích 25 lít có nắp đậy, có dán tên chất thải.

- Dọc các tuyến đường nội bộ trong khuôn viên bệnh viện: Bố trí các thùng nhựa dung tích 120 lít có nắp đậy, có dán tên chất thải.

- Tại điểm tập kết rác thải tạm thời chất thải không sử dụng để tái chế: Bố trí các thùng nhựa dung tích 660 lít, có nắp đậy kín và bánh xe di chuyển.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn không có khả năng tái chế: Điểm tập kết rác thải tạm thời có diện tích 20m², mái lợp tôn, nền bê tông.

- Nhà lưu chứa chất thải rắn có khả năng tái chế: diện tích 6m², xây tường gạch bao quanh, mái lợp tôn, nền lát gạch.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý chất thải nguy hại

3.1. Hệ thống khử khuẩn rác thải y tế (nhãn hiệu NIHOPHAWA-06AT):

- Loại chất thải nguy hại tự xử lý: chất thải y tế lây nhiễm.

- Khối lượng chất thải tự xử lý: 11 kg/ngày.

- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý:

Chất thải y tế lây nhiễm → Thiết bị hấp khử khuẩn → Thiết bị nghiền chất thải → Chất thải sau xử lý (đáp ứng yêu cầu về hiệu quả xử lý theo QCVN

55:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm).

- Công suất thiết kế thiết bị khử khuẩn rác thải y tế: 6 kg/mẻ.
- Công suất thiết kế thiết bị nghiền rác thải: 10 kg/giờ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 3**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư 20/2021/TT-BYT, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại không tự xử lý tại cơ sở cho đơn vị có chức năng theo quy định.
2. Thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của thông tin, số liệu nêu tại báo cáo đề xuất cấp phép.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của cơ sở.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Trong quá trình thực hiện nếu cơ sở có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn;
7. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
8. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.